

Số: 16/2022/QĐST-HNGĐ

Tam Nông, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu 10, xã V, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức V**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 10, xã V, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/02/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/02/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và Nguyễn Đức V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng xác định có 03 con chung là Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 04/11/2006; Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 27/3/2009 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2015.

Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Giao 02 con chung là Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Thị Ngọc H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Hằng N cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H đối với cháu H là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu H đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Đối với cháu N giao cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu T giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ, thăm nom con chung.

Tài sản chung: Công nợ và công sức đóng góp cho bên vợ hoặc chồng: Chị H và anh V đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005458 ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện;*
- *CCTHADS huyện;*
- *UBND xã V;*
- *Lưu HSVA.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Trình